

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC YÊN  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 15-7-2021  
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đăng Ninh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Khiếu  
Ông Trần Văn Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 97/2021/TLST-HNGĐ, ngày 02/4/2021 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lộc Thị T, sinh năm 1996, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt  
- *Bị đơn:* Anh Ngôn Văn Đ, sinh năm 1991, vắng mặt lần 2 không có lý do  
Cùng trú tại: Thôn N, xã Liễu Đô, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Lộc Thị T trình bày:

Chị và anh Ngôn Văn Đ kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Xuân, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân được 03 năm nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Đ.

*Về con chung:* Chị T và anh Đ có 01 con chung tên là Ngôn Minh K, sinh ngày 01/4/2016, khi ly hôn chị T nhận trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 02/6/2021 bà Hoàng Thị L là mẹ đẻ anh Ngôn Văn Đ cho biết sau khi vợ chồng anh Đ kết hôn thì tiếp tục đi làm ăn xa thì thoảng về nhà mấy ngày rồi lại đi. Theo thông tin bà L nắm được mâu thuẫn chính của vợ chồng anh Đ là do vợ chồng tính cách không hợp nhau và mỗi người làm việc ở một nơi. Nay chị T xin ly hôn bà L mong muốn các con hòa giải được mâu thuẫn vợ chồng để quay về đoàn tụ gia đình, nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà L cho biết vợ chồng anh Đ có 01 con chung tên là Ngôn Minh K, sinh ngày 01/4/2016 hiện tại đang ở cùng bà.

*Về tài sản và công nợ chung:* Bà L cho biết vợ chồng anh Đ không có tài sản gì chung; về nợ chung bà không nắm được.

Ngoài ra bà L cho biết bà đã nhận được các giấy tờ của Tòa án và đã thông báo cho anh Đ biết nhưng do anh Đ đi làm ăn xa và trong tình hình dịch Covid - 19 đang diễn biến phức tạp nên không đến Tòa án để giải quyết ly hôn được và anh có nói nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí; về con chung anh Đ cho biết do cả hai vợ chồng cùng đi làm ăn xa, vì vậy anh, chị đã để cháu K ở nhà cho bà nội và ông bà ngoại chăm sóc hộ nên anh mong muốn để cháu K cho bà nội chăm sóc sẽ thuận tiện cho việc thăm cháu của cả ông bà ngoại và bà nội; về tài sản chung và nợ chung anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến.

*Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành tốt theo giấy triệu tập của Tòa án, bị đơn không chấp hành.

*Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị T được ly hôn anh Đ; giao cho chị T trực tiếp nuôi cháu K.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lộc Thị T và anh Ngôn Văn Đ kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Xuân, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Về mâu thuẫn vợ chồng*: Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn đều khẳng định sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân được 03 năm nay không còn quan tâm đến nhau nữa.

Qua trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Đ đến để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh Đ đều không đến mà không có lý do. Qua đó cho thấy mặc dù anh Đ biết chị T khởi kiện xin ly hôn anh nhưng anh cũng không mong muốn Tòa án hòa giải để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng để về đoàn tụ gia đình mà anh chấp nhận theo yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Từ những phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ chấp nhận.

[4] *Về nuôi con chung*: Chị T và anh Đ có 01 con chung là Ngôn Minh K, sinh ngày 01/4/2016, hiện tại vợ chồng anh chị đang nhờ bà nội và ông bà ngoại chăm sóc hộ. Xét thấy mặc dù cháu K đang được bà nội và ông bà ngoại chăm sóc, nhưng cả bố và mẹ cháu đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi...*”. Mặt khác anh Đ cũng không đến Tòa án để giải quyết các vấn đề có liên quan đến yêu cầu xin ly hôn của chị T mà chỉ thông qua mẹ đẻ là bà L để thể hiện nguyện vọng muốn cho cháu K ở với bà nội là chưa có căn cứ để xem xét. Do vậy nên giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] *Về án phí*: Chị Lộc Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56; 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chị Lộc Thị T được ly hôn anh Ngôn Văn Đ.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Lộc Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ngôn Minh K, sinh ngày 01/4/2016 đến khi đủ 18 tuổi, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Lộc Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2017/0008555, ngày 02/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm

4. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã Minh Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu: KT, HS, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đăng Ninh**



